

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **598/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 31/5/2021
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Kim Anh**

2. Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Ngân** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 392/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 128/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc P**, sinh năm: 1983 (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh L.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Giang H**, sinh năm: 1984 (Vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: A9/218 ấp D, xã S, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được –

nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P trình bày: Bà và ông Nguyễn Giang H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyển số 01/2006 cấp ngày 03/4/2006. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tại địa chỉ A9/218 ấp 1, xã S, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, không có gì xảy ra. Đến năm 2009 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H cờ bạc, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và ông H đã đuổi bà ra khỏi nhà. Bà và ông H đã sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Giang H.

Về con chung: Bà và ông H có 02 có chung tên là Nguyễn Thị Hồng D (nữ), sinh ngày: 10/5/2007 và Nguyễn Trung M (nam), sinh ngày: 17/6/2009 hiện hai trẻ đang sống chung với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc trẻ D và trẻ M, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Giang H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc P đối với ông Nguyễn Giang H; Về con chung: giao hai trẻ Nguyễn Thị Hồng D (nữ), sinh ngày: 10/5/2007 và Nguyễn Trung M (nam), sinh ngày: 17/6/2009 cho bà Nguyễn Thị Ngọc P được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Tài sản chung: không có; Nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Ngọc P nộp đơn xin ly hôn đối với ông Nguyễn Giang H. Ông Nguyễn Giang H hiện đang cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Nguyễn Giang H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Giang H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Nguyễn Thị Ngọc P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bà P theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông Nguyễn Giang H đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông Nguyễn Giang H nhưng ông H không đến Tòa án để giải quyết. Vì vậy, ông Nguyễn Giang H tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, ông Nguyễn Giang H phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyền số 01/2006 do Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/4/2006 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông Nguyễn Giang H là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Bà P xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông H không thể hàn gắn được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của Bà P thì giữa bà và ông H bất đồng quan điểm sống, ông H cờ bạc, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến

nay. Như vậy, vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Mặt khác, trong quá trình hòa giải tại Tòa, ông H cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hòa giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn tình cảm và đều không có thiện chí để đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc P đối với ông Nguyễn Giang H.

[6] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông Nguyễn Giang H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng D (giới tính nữ), sinh ngày: 10/5/2007 và Nguyễn Trung M (giới tính nam), sinh ngày: 17/6/2009. Sau khi ly hôn, Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ D và trẻ M, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Theo biên bản ghi nhận ý kiến của trẻ D và trẻ M nếu cha mẹ không còn sống chung thì hai trẻ muốn sống với mẹ. Ông H vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông H về con chung giữa Bà P với ông H nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vấn đề con chung theo yêu cầu của Bà P, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Bà P, giao 02 trẻ Nguyễn Thị Hồng D (giới tính nữ), sinh ngày: 10/5/2007 và Nguyễn Trung M (giới tính nam), sinh ngày: 17/6/2009 cho Bà P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông H cho đến khi Bà P có yêu cầu.

[7] Về tài sản chung: Bà P xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về nợ chung: Bà P xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc P đối với ông Nguyễn Giang H.

Bà Nguyễn Thị Ngọc P được ly hôn với ông Nguyễn Giang H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyền số 01/2006 do Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/4/2006 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông Nguyễn Giang H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng D (giới tính nữ), sinh ngày: 10/5/2007 và Nguyễn Trung M (giới tính nam), sinh ngày: 17/6/2009. Bà Nguyễn Thị Ngọc P được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Thị Hồng D và trẻ Nguyễn Trung M; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Giang H.

Ông Nguyễn Giang H có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Bà P xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

4. Về nợ chung: Bà P xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc P chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà Bà P đã nộp theo biên lai thu

số 0078967 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà P và ông H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Kim Định